

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN & KINH DOANH ÁNH SAO
Nhà bà Sao, xóm 4, Xã Đồng Bằng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

ĐẾN Số: 315
Ngày: 14/8/2026
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỮA SAO BIỀN
Số: 01/AS/2026



Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/AS/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức cá nhân: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN & KINH DOANH HẢI SẢN
ÁNH SAO

Trụ sở chính: Nhà bà Sao, xóm 4, Xã Đồng Bằng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02273.942.115 – 0904.984.281

Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 1000672081

Ngày đăng ký lần đầu: 12/10/2009

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở KH-ĐT Thái Bình.

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 84/2024/NNPTNT-TB-QLCL do
Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Thái Bình cấp ngày 05
tháng 11 năm 2024.



II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sứa Sao Biển

2. Thành phần: Sứa biển 60%, nước, đường tinh, dấm, tỏi, ớt.

3. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản sản phẩm và thông tin cảnh báo:

- Hướng dẫn sử dụng:

+ Nộm rau: Gạn kiệt nước trong túi sứa, trộn với lạc, vùng rang thơm, rùa nạo, cà rốt nạo.

+ Nộm thịt: Thịt gà, bò, ba chỉ, tai heo luộc chín. Thái dài theo sợi, sứa trộn đều cùng lạc, vùng rang, ăn với lá sung, lá đinh lăng.

Hoặc theo sở thích.

- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nhiệt độ 8-10°C hoặc để ngăn mát tủ lạnh.

- NSX: (in trên bao bì)

- HSD: 60 ngày kể từ ngày đóng gói.

- Thông tin cảnh báo:

+ Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn sử dụng, hoặc có dấu hiệu hư hỏng như bao bì bị phồng, rách, sứa có mùi lạ, màu sắc thay đổi.

+ Người bị dị ứng với thành phần của sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói với khối lượng tịnh hỗn hợp 500g trong đó khối lượng chất rắn 300g, ... hoặc đóng gói với khối lượng, quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ nhựa PE/PP, ... Vật liệu bao gói đáp ứng Quy chuẩn quốc gia QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Có phụ lục đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh hải sản Ánh Sao xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của cơ sở tự công bố phù hợp:

- Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng theo Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư 29/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm bao gói sẵn được sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hung Yên, ngày 12 tháng 5 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Sao

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ
(Đình kèm bản tự công bố số: 01/AS/2026)

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Sứa giòn, không bị nát, không có tạp chất lạ.
- Màu sắc: Màu đặc trưng cho sản phẩm.
- Mùi, vị: Thơm, đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi, vị lạ.

2. Thông tin dinh dưỡng của sản phẩm:

Thành phần dinh dưỡng theo Thông tư 29/2023/TT-BYT ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2023 hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần sinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm bao gói sẵn được sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị dinh dưỡng
1	Năng lượng/ <i>Calories</i>	kcal/100g	23.2 – 45
2	Hàm lượng Protein/ <i>Protein</i>	g/100g	1.8 – 3.5
3	Hàm lượng Carbohydrat/ <i>Cabohydrate</i>	g/100g	4.1 – 7.8
4	Hàm lượng béo tổng/ <i>Total fat content</i>	g/100g	≤ 0.5
5	Hàm lượng đường tổng/ <i>Total sugar content</i>	g/100g	3.8 – 7.5
6	Hàm lượng Natri/ <i>Sodium content</i>	mg/100g	310 – 580

3. Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu kim loại nặng đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-2:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	≤ 0.05
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 0.5
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0.5

4. Giới hạn Vi sinh vật trong sản phẩm:

Giới hạn chỉ tiêu vi sinh vật đạt Quy chuẩn Việt Nam 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. Ban hành kèm theo Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ y tế.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quy định
1	TSVSV HK	CFU/g	$\leq 5 \times 10^6$
2	E. coli	CFU/g	< 10
3	Salmonella	CFU/g	Không được có
4	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	$\leq 5 \times 10^3$



NỘI DUNG GHI NHÃN DƯ KIẾN
(Đính kèm bản Tự công bố số: 01/AS/2026)

SỬA SAO BIẾN



Thành phần: Sữa biến 60%, nước, đường tinh, ~~dầu, tỏi, ớt.~~

Hướng dẫn sử dụng:

- + Nộm rau: Gạn kiệt nước trong túi sữa, trộn với lạc, vùng rang thơm, dừa nạo, cà rốt nạo.
- + Nộm thịt: Thịt gà, bò, ba chỉ, tai heo luộc chín. Thái dài theo sợi, sữa trộn đều cùng lạc, vùng rang, ăn với lá sung, lá đinh lăng. Hoặc chế biến theo sở thích.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nhiệt độ 8-10°C hoặc để ngăn mát tủ lạnh.

Thông tin cảnh báo:

- Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn sử dụng, hoặc có dấu hiệu hư hỏng như bao bì bị phồng, rách, sữa có mùi lạ, màu sắc thay đổi.
- Người bị dị ứng với thành phần của sản phẩm.

Khối lượng tịnh hỗn hợp: ...g

Khối lượng chất rắn: ...g

Giá trị thành phần dinh dưỡng tính trung bình trong 100g:

TT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị dinh dưỡng
1	Năng lượng/ <i>Calories</i>	kcal/100g	33
2	Hàm lượng Protein/ <i>Protein</i>	g/100g	2.5
3	Hàm lượng Carbohydrat/ <i>Cabohydrate</i>	g/100g	5.8
4	Hàm lượng đường tổng/ <i>Total sugar content</i>	g/100g	5.4
5	Hàm lượng Natri/ <i>Sodium content</i>	mg/100g	440

NSX: (in trên bao bì)

HSD: 60 ngày kể từ ngày đóng gói.

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN & KINH DOANH HẢI SẢN ÁNH SAO

Địa chỉ: Nhà bà Sao, xóm 4, Xã Đồng Bằng, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02273.942.115 – 0904.984.281

Xuất xứ: Việt Nam.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 1000672081

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 10 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 24 tháng 11 năm 2017

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN & KINH DOANH
HẢI SẢN ÁNH SAO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH HẢI SẢN ÁNH SAO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà bà Sao, xóm 4, Xã An Quý, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 02273.942.115; 0904.984.281

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 4.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ SAO	Xóm 4, Xã An Quý, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	3.200.000.000	80,000	151958995	
2	NGUYỄN VĂN NIHUÂN	Thôn Nhân Xá, Xã Thái Phương, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	800.000.000	20,000	034080000162	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THÁI BÌNH

THAI BINH PROVINCE SUB-DEPARTMENT OF AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE

CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/Establishment: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN & KINH DOANH HẢI SẢN
ÁNH SAO

Mã số/Approval number: 1000672081

Địa chỉ/Address: Xóm 4, xã An Quý, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Điện thoại/Tel: 0974.999.125

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

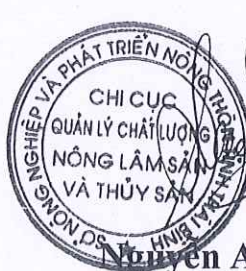
Sửa đóng gói

Số cấp/Number: 82/2024/ NNPTNT-TB-QLCL

Có hiệu lực đến ngày 05 tháng 11 năm 2027

Thái Bình, ngày 05 tháng 11 năm 2024

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Anh Tuấn



AR-26-VD-110017-01 / EUVNHC-00425228- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH HẢI SẢN ÁNH SAO

Nhà bà Sao, xóm 4, Xã Đồng Bằng

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2604280660-HN

Mã số mẫu : 743-2026-00102556

Mã số Eol :

005-32410-751283

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

SỮA SAO BIẾN

Mô tả mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu :

02/05/2026

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 12/05/2026

Thời gian kiểm nghiệm :

02/05/2026 - 12/05/2026

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW031 VW (a) <i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	cfu/ g	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	Không phát hiện (LOD=0.05)
3	VW066 VW (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013	2.91
4	VW07W VW (a) Tro	%	N79-R-RD1-TP-9759 (2022) (Ref. TCVN 7765:2007 & TCVN 4071: 2009 & TCVN 5484:2002 & TCVN 9474:2012)	1.38
5	VW083 VW (a) Độ ẩm	%	N79-R-RD1-TP 9762 (2022) (Ref. ISO 712:2009 & TCVN 8135: 2009 & TCVN 4069: 2009)	89.1
6	VW081 VW (a) Béo	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-9756 (2022) (Ref. TCVN 8136:2009 & TCVN 6555:2017)	Phát hiện vết(<0.3)
7	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	6.66
8	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	6.23
9	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
10	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
12	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	6.23
14	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	504



AR-26-VD-110017-01 / EUVNHC-00425228- Trang : 2 / 2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2026-00102556

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	38

Phát hiện vết: kết quả $\geq$ LOD và $<$ LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền BắcLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 12/05/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 12/05/2026.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



Số/ No.: VLAB0-260112-033/1-V1/2

Ngày phát hành/ Issue date : 15/01/2026

Trang/ Page : 1/2

Tên khách hàng⁽¹⁾/ Company: **CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN & KINH DOANH HẢI SẢN ÁNH SAO**
Địa chỉ⁽¹⁾/ Address: **Xóm 4, xã Đồng Bằng, tỉnh Hưng Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving **12/01/2026**
Ngày thực hiện/ Date(s) of testing **12/01/2026 đến 15/01/2026**
Tên mẫu⁽¹⁾/ Sample Name **Sứa Sao Biển**
Tình trạng mẫu/ State of sample **Mẫu đựng trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Item(s) are accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Bảo vệ thực vật/ Appointed item(s) by Department of Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục chăn nuôi/ Appointed item(s) by Department of Livestock Production.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn/ Appointed item(s) by Ministry of Agriculture & Rural Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ Appointed item(s) by Ministry of Industry & Trade.

(s) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by the subcontractor.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận được tại phòng thí nghiệm/ Test result(s) are valid only on submitted sample(s).

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

- Báo cáo thử nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

- Các chỉ tiêu được thực hiện bởi PTN VietLabs Hồ Chí Minh/ Items are performed by VietLabs Ho Chi Minh Lab.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân



TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director

Nguyễn Quốc Toàn

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:

Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City

Can Tho: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City

Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/ No.: VLAB0-260112-033/1-V1/2

Ngày phát hành/ Issue date : 15/01/2026

Trang/ Page : 2/2



Kết quả/ result

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOQ	Phương pháp phân tích Test method
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/Enumeration of aerobic microorganism	1,6 x 10 ³	CFU/g	-	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)
2.	Định lượng E.coli dương tính với β -glucuronidase/Enumeration Escherichia coli β -glucuronidase positive	<10	CFU/g	-	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)
3.	Phát hiện Salmonella spp./Detection of Salmonella spp.	KPH/ND	/25g	-	ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020(a)
4.	Hàm lượng Chì (Pb)/Lead (Pb) content	KPH/ND	mg/kg	0,05	AOAC 2015.01(a)
5.	Hàm lượng Asen (As)/Arsenic (As) content	KPH/ND	mg/kg	0,03	AOAC 2015.01(a)
6.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/Mercury (Hg) content	KPH/ND	mg/kg	0,02	AOAC 2015.01(a)
7.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/Cadmium (Cd) content	KPH/ND	mg/kg	0,015	AOAC 2015.01(a)

Ghi chú/ Remark(s): Không/ Nil

[Kết thúc báo cáo/ End of report]

VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 10/10/2025

VLAB-QM-LOP-023/F01

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company
Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (+84) 283 622 1669

Trung tâm phân tích/Testing Center:
Hồ Chí Minh: Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, HCM City
Cần Thơ: Lô số LK5-12, Đường Số 5, Phường An Bình, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Street 5, An Binh Ward, Can Tho City
Bạc Liêu: Số 479 Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Cà Mau: Số 214B, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province